

Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **79/2026/TLST-HNGĐ** ngày **17 tháng 3 năm 2026** về việc **Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con**, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Cụm B, thôn Đ, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân: 0310820161559;

2. Chị Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Cụm B, thôn Đ, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân: 033183001809;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc C có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C (nay là đặc khu C), thành phố Hải Phòng** trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn tình cảm do có nhiều khác biệt về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay, anh chị đang sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh chị đều xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[2] Về con chung: **Anh T và chị C có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2008; Nguyễn Trần Phương T1, sinh ngày 21/9/2010 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 22/10/2015; ly hôn hai bên thống nhất giao cháu Minh A và**

cháu T1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên thống nhất tự thoả thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị C tự thoả thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị C nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị C có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2008; Nguyễn Trần Phương T1, sinh ngày 21/9/2010 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 22/10/2015; ly hôn giao cháu Minh A và cháu T1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên thống nhất tự thoả thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị C tự thoả thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh T và chị C không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T và chị C nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002903 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Anh T và chị C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 - Hải Phòng;
- UBND đặc khu Cát Hải, **thành phố Hải Phòng**.
(Đăng ký kết hôn ngày 16/10/2007);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Như Quỳnh